

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BT

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 11-8-2022

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP
TỈNH BT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Huyền**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Hà**

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Lam**

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên– Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 27/7/2022, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Thanh N**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số 15B Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa.

- Bị đơn: Bà **Đinh Thị T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện TP, BT.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ly hôn, nguyên đơn **Phạm Thanh N** trình bày:

Về hôn nhân: Ông **Phạm Thanh N** và bà **Đinh Thị T** gặp gỡ và quen biết nhau tại Nha Trang, tìm hiểu nhau một thời gian ngắn thì quyết định sống chung với nhau vào năm 2010. Đến ngày 11/11/2011 ông **N** và bà **T** đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân Phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144/2011 ngày 11/11/2011. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được nên đã không còn ở cùng nhau từ năm 2012 đến nay. Sau 10 năm không còn sống chung với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên ông N yêu cầu ly hôn với bà T. Ông N và bà T không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

2. Đối với bị đơn- bà Đinh Thị T, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà T từ chối không đến Tòa án để giải quyết nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Phạm Thanh N ly hôn với bà Đinh Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Thanh N có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa ông N với bà Đinh Thị T - có hộ khẩu thường trú tại thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện TP, nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu bà Đinh Thị T đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng bà Đinh Thị T không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Phạm Thanh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Đinh Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ông Phạm Thanh N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Đinh Thị T. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông N và bà T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144/2011, ngày 11/11/2011 nên hôn nhân giữa ông N và bà T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bà T đến giải quyết nhưng bà T không chấp hành, điều này chứng tỏ bà T không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình. Hơn nữa, thực tế ông N và bà T đã không còn chung sống với nhau hơn 10 năm nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông N và bà T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Thanh N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Phạm Thanh N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a, Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Thanh N đối với bà Đinh Thị T. Giấy chứng nhận kết hôn số 144/2011 ngày 11/11/2011 của Ủy ban nhân dân Phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Ông Phạm Thanh N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*

đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003351 ngày 10/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP.

3. Quyền kháng cáo: Ông Phạm Thanh N và bà Đinh Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

-VKSND BT;
-VKSND TP;
-THADS TP;
-Nguyên đơn;
-Bị đơn;
-Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Huyền